

普門經

PHỔ-MÔN-KINH



VIA PHẬT QUAN-ÂM

Ngày 19 tháng hai, tháng sáu và tháng chín

VIA ÔNG HỘ-PHÁP (Vị Hộ)

Ngày mồng một tháng sáu

BỐN CỬ SAO LẠI



IN TẠI NHÀ IN XƯA-NAY

62-64, Boulevard Bonnard, 62-64

SAIGON

1927

Thư-viện
Trung-ương

M 5
5181

11/187(5)

TỰA



Đạo Phật có bộ kinh Tam-Bảo là: 1^{er} Di-Đà, Hồng-Danh, Vu-Lan, đóng chung một cuốn, thuộc về kinh độ tử, để tụng cho vong; 2^e Kinh Kim-Cang để tụng cho rõ việc tu hành, cũng như Tâm-kinh dạy về việc độ-sanh, và trừ tà quái; 3^e kinh Phổ-Môn của Quan-Âm độ sanh, để tụng cầu siêu tai nạn, sau có Tâm-kinh dạy tu hành cũng độ sanh độ người sống. Ba hiệu kinh ấy là cái báu của Phật, nên gọi là Tam-bửu. Song tụng cho hiểu nghĩa mà giữ theo mới quý, chớ tụng mà không hiểu nghĩa thì vô ích.

Nay tôi âm chữ quốc-ngữ là cho mấy người không biết chữ nho dò mà học cho dễ, và giải nghĩa cho thiện nam tín nữ chưa hiểu thì coi cho rõ nghĩa kinh Phật, chớ chẳng phải làm cho mấy vị thông thái hay chữ xem đâu, xin miễn chấp.



In tại nhà in XƯA-NAY Nguyễn-háo-Vinh
62-64 Boulevard Bonard Saigon.

222

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

In tại nhà in **XU' A-NAY**

o o o NGUYỄN-HẢO-VĨNH o o o
o o 62-64, Boulevard Bonard o o
o o o o SAIGON o o o o
o o o o o Juin 1927 o o o o o

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

PHỔ - MÔN - KINH

Tịnh pháp giải chơn ngôn

(đọc 21 lần chữ)

ÁN LAM

Hương toán viết:

Lư hương sạ nhiệt, pháp giải mông huân. Quan Âm hải hội tất diệu vãng. Tùy xứ kiết tướng vãng. Thành ý phương ân Chư Phật hiện toàn thân.

Nam-mô Hương Vân-Cái bồ-tát, ma-ha tát.

(Câu này đọc ba lần, lạy...)

Nam-mô bốn-sư Thích-Ca, mâu-ni Phật

(Câu này đọc ba lần, lạy...)

Khai kinh kệ:

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.

Ngã kiêm kiến văn đắc thọ trì,

Nguyện giải Như-Lai chơn thiệt nghĩa.

Nam-mô Thánh-quan-tự-tại bồ tát,
ma-ha tát.

(Câu này đọc ba lần, lạy.....)

Diệu pháp Liên-hoa kinh, Quan-thế-âm Bồ-tát Phổ-môn phẩm:

Nhi-thời, Vô-tận-ý bồ-tát, tức từng tọa khởi, thiền đẳng hữu kiến, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn «Thế-tôn, Quan-thế âm-bồ-tát, dĩ hà nhơn duyên, danh Quan-thế-âm?» Phật cáo «Vô-tận ý bồ-tát, thiện-nam-tử! Nhược hữu vô lượng, bá thiên vạn ức chúng-sanh, thọ chư khổ-não. Vãng thị

Quan thế-âm-bồ-tát, nhưt tâm xưng danh Quan-thế-âm-bồ-tát, tức thị quan kỳ âm thanh, dai dắc giải thoát. Nhược hữu tri thị Quan thế-âm-bồ-tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu; do thị bồ-tát, oai thần lực cớ. Nhược vi đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức dắc siển xứ. Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu kim ngân lưu ly, xa cừ mã não, san-hô hồ-phách, trân-châu, đẳng bửu; nhập ư đại hải. Giả sử hất-phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu đọa La-sát-quỉ quốc. Kỳ trung nhược hữu nãi chi nhưt nhưn, xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh giả, thị chư nhưn đẳng dai dắc giải thoát La-sát chi nạn. Dĩ thị nhưn duyên danh Quan-thế-âm. Nhược phục hữu nhưn tâm đương bị hại, xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh giả; bĩ sở chấp đao trượng; lâm đoạn-đoạn hoại; nhi dắc giải thoát. Nhược tam thiên đại thiên quốc-độ: Mãng-trung, Dạ-xa, La-sát, dục lai nảo nhưn. Vãng kỳ xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh giả, thị chư ác quỉ thượng bất năng dĩ ác nhân thị chi, huống phục gia hại?

Thiết phục hữu nhưn, nhược hữu tội, nhược vô tội, nữu giá dà tể, kiểm hệ kỳ thân, xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh giả, dai tất đoạn hoại, tức dắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc-độ, Mãng-trung oán tặc, hữu nhưt thương chủ, tương chư thương nhưn, tề trì trọng bửu, kinh quá hiểm lộ, kỳ trung nhưt nhưn tác thị, xưng ngôn: « Chư thiện nam tử, vật dắc khùng bố, nhưn đẳng ưng đương nhưt tâm, xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh hiệu, thị bồ-tát năng dĩ vô huy thị ư chúng-sanh, nhưn đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán-tặc, đương dắc giải thoát. »

Chúng thương nhơn văn, cụ phát thính ngôn. « Nam mô Quan-thế-âm-bồ-tát: » xưng kỳ danh cơ, tức đắc giải thoát.

Vô-Tận-Ý? Quan-thế-âm-bồ-tát, ma ha-tát. Oai thần chi lực, nguy-nguy như thị. Nhược hữu chúng-sanh, đa ư dâm-dục, thường niệm cung kính Quan-thế-âm-bồ-tát, tiện đắc ly dục.

Nhược đa sân-nhế, thường niệm cung kính Quan-thế-âm-bồ-tát, tiện đắc ly sân.

Nhược đa ngu-si, thường niệm cung kính Quan-thế-âm-bồ-tát, tiện đắc ly si.

Vô-Tận-Ý? Quan-thế-âm-bồ-tát, hữu như thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích; thị cố chúng-sanh, thường ưng tâm niệm.

Nhược hữu nữ-nhơn, thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quan-thế-âm-bồ-tát, tiện sanh phước đức trí huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ. Túc trí đức bốn, chúng nhơn ái kính.

Vô-Tận-Ý? Quan-thế-âm-bồ-tát, hữu như thị lực. Nhược hữu chúng-sanh, cung kính lễ bái Quan-thế-âm-bồ-tát, phước bất dường quyên. Thị cố chúng-sanh dai ưng thọ trì Quan-thế-âm bồ-tát danh hiệu.

Vô-Tận-Ý? Nhược hữu nhơn thọ trì lực thập nhị ức, hằng hà sa số bồ-tát danh tự, phục họa hình cúng-dường, ẩm thực y-phục, ngọa cụ y được; ư nhữ ý, vân hà, thị thiện nam-tử, thiện-nữ-nhơn, công đức đa phủ? »

Vô-Tận-Ý ngôn: Thập đa, Thế-tôn. » Phật ngôn: « Nhược phục hữu nhơn thọ trì Quan-thế-âm bồ tát danh hiệu, nãi chí nhứt thời lễ bái cúng-dường, thị nhị nhơn phước chánh đẳng vô dị ư bá thiên vạn ức kiếp, bất khã cùng tận.

Vô-tận-ý? Thọ tri Quan-thế-âm-bồ-tát danh hiệu, đặc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi. »

Vô-tận-ý-bồ-tát, bạch Phật ngôn : « Thế-tôn? Quan-thế-âm-bồ-tát, vân hà du thứ ta-bà thế-giải? Vân hà nhi vị chúng-sanh thuyết pháp, phương tiện chi lực? Kỳ sự vân hà? Phật-Cáo : « Vô-tận-ý-bồ-tát, thiện nam tử? Nhược hữu quốc-độ chúng-sanh, ứng dĩ Phật thân đặc độ giả; Quan-thế-âm-bồ-tát, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thích-chi-phật thân đặc độ giả, tức hiện Thích-chi-phật thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thinh-Văn thân đặc độ giả, tức hiện Thinh-Văn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Phạm-vương thân đặc độ giả, tức hiện Phạm-vương thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Đế-thích thân đặc độ giả tức hiện Đế-thích thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tự-tại-thiên thân đặc độ giả, tức hiện Tự-tại-thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Đại-tự-tại-thiên thân đặc độ giả, tức hiện Đại-tự-tại-thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thiên-dại-tướng-quân thân đặc độ giả, tức hiện Thiên-dại-tướng-quân thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tì-sa-môn thân đặc độ giả, tức hiện Tì-sa-môn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tiêu-vương thân đặc độ giả, tức hiện Tiêu-vương thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ trưởng-giã thân đặc độ-giã, tức hiện trưởng-giã thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ cư-sĩ thân đặc độ giả, tức hiện cư-sĩ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ tể-quan thân đặc độ giả, tức hiện tể-quan thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ bà-la môn thân đặc độ giả, tức hiện bà-la môn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thân đặc độ giả, tức hiện tì-kheo tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc,

ưu-bá-di thân nhi-vị thuyết pháp. Ứng dĩ trưởng-giã, cư-sĩ, tể-quan, bà-la-môn phụ-nữ thân đặc độ giả tức hiện phụ-nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ đồng-nam đồng-nữ thân đặc độ giả, tức hiện đồng nam đồng-nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thiên-long, Dạ-xa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Cẩn-na-la, ma-hầu-la dà nhơn phi-nhơn đẳng thân đặc độ giả tức đại hiện chi, nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Chấp-kim-cang-thần đặc độ giả, tức hiện Chấp-kim-cang thân nhi vị thuyết pháp.

Vô-tận-ý? Thị Quan-thế-âm-bồ-tát, thành tựu như thị công đức, dĩ churōng-churōng hình dung chư quốc-độ, độ thoát chúng sanh. Thị cố nhữ đẳng, ưng đương nhứt tâm cúng dường Quan-thế-âm-bồ-tát. Thị Quan-thế-âm-bồ-tát, ma-ha-tát ư phổ-húy cấp nạn chi trung, năn thí vô húy. Thị cố thử ta bà thế-giải đại hiệu chi vi thí-vô-húy giả.»

Vô-tận-ý bồ-tát bạch Phật ngôn : « Thế-tôn, ngã kiēm đương cúng dường Quan-thế-âm-bồ tát. » Tức giải kinh chúng bửu châu anh lạc, giá trị bá thiên lượng kim ; nhi dĩ đữ chi ; tác thị ngôn. « Nhơn giả thọ thử pháp thí châu bửu anh lạc. » Thời Quan-thế-âm-bồ-tát bất khăng thọ chi. Vô-tận-ý phục bạch Quan thế-âm-bồ-tát ngôn : « Nhơn giả, mỗ ngã đẳng cố, thọ thử anh lạc. » Nhĩ thời Phật cáo Quan-thế-âm-bồ-tát : Đương mỗn thử Vô-tận-ý-bồ-tát, cấp tứ chúng Thiên-long Dạ-Xa Càn-thát-bà, A-tu-la. Ca-lâu-la, Cẩn-na-la, Ma-hầu-la dà nhơn phi-nhơn đẳng cố, thọ thí Anh-lạc. » Tức thời Quan-thế-âm-bồ-tát mỗn chư tứ chúng cấp ư Thiên-Long, nhơn-phi-nhơn đẳng. Thọ kỳ anh-lạc, phân tác nhị phần : Nhứt phần phụng Thích-ca-mâu-ni-phật. Nhứt phần

phụng đa-bửu-phật tháp, Vô-tận-ý. Quan-thế-âm-bồ-tát, hữu như thị tự tại thần lực, du ư ta-bà thế-giới.

Nhĩ thời Vô-tận-ý-bồ-tát, dĩ kệ văn viết:

Thế-Tôn diệu tướng cụ
Ngã kim trùng vấn dĩ:
Phật tự hà nhơn duyên.
Danh vị Quan-thế-âm?
Cụ túc diệu tướng-tôn.
Kệ đáp Vô-tận-ý:
Nhữ thính Quan-Âm hạnh,
Thiện ứng chư phương sở.
Hoảng thế thâm như hải,
Lịch kiếp bất tư-nghị
Thị đa thiên ức phật,
Phát đại thanh tịnh nguyện
Ngã vị nhữ lược thuyết,
Văn danh cập kiến thân,
Tâm niệm bất không quá,
Năng diệt chư hữu khổ.
Giã sử hưng hại ý,
Tối lạc đại hĩa-khanh.
Niệm dĩ Quan-Âm lực,
Hĩa-khanh biến thành tri.
Hoặc phiêu lưu cự hải,
Long ngư chư quỷ nạn.
Niệm dĩ Quan-Âm-lực,
Ba lãng bất năng một.
Hoặc tại Tu-di phong,
Vị nhơn sở thôi đoạ.
Niệm dĩ Quan-Âm lực,
Như nhứt hư không trụ.
Hoặc bị ác nhơn trục,

Đọa lạc Kim Cang san.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Bất năng tồn nhứt mao.
Hoặc trị oán tặc nhiều,
Các chấp đao gia hại.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Hàm tức khởi từ tâm,
Hoặc tạo vương nạn khổ,
Lâm hình dục thọ chung.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Đao tâm đoạn-đoạn hoại.
Hoặc tù cầm dả tỏa,
Thũ tức bị nữu giải.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Thích nhiên đắc giải thoát.
Chủ thơ chur độc được,
Sở dục hại thân già.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Huờn trước ư bồn nhờn.
Hoặc ngộ ác La-sát,
Độc-long chur quỷ đẳng.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Thời tất bất cảm hại.
Nhược ác-thú vi nhiều,
Lợi nha ngoa khả phổ.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Tật tẩu vô biên phương.
Ngoan xà cập phúc yết,
Khí độc yên hỏa nhiên.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Tâm thình tự hồi khứ.
Vân lời cổ xiết diễn,

Dán bạc chủ đại ý.
Niệm bử Quan-Âm lực,
Ứng thời đặc tiêu tán.
Chúng sanh bị khỗn ách.
Vô lượng khổ bức thân.
Quan-âm diệu trí lực,
Năng cứu thế gian khổ.
Cụ túc thần thông lực,
Quảng tu trí phương tiện,
Thập phương chư quốc độ,
Vô sát bất hiện thân.
Chưởng chưởng chư ác thú,
Địa-ngục quỷ súc sanh.
Sanh lão bệnh tử khổ,
Dĩ tiếm tất linh diệt.
Chơn quán thanh-tịnh quán,
Quảng đại trí huệ quán.
Bỉ quán, cập Từ-quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Vô cầu thanh tịnh quang,
Huệ nhật phá chư ám.
Năng phục tai phong hỏa,
Phổ minh chiếu thế gian.
Bỉ thể giải lôi chấn,
Từ ý diệu đại vân.
Chủ cam lộ pháp vô,
Diệt trừ phiền não diệt.
Tránh tụng kinh quan xứ,
Phổ hủy quân trận trung.
Niệm bử Quan-Âm lực,
Chúng oán tất thối tán.
Niệm âm Quan-thế-âm,

Phạm âm hải triều âm.
Thắng bĩ thể âm,
Thị cổ tu thương niệm.
Niệm niệm vật sanh nghi,
Quan thế-âm tịnh thánh.
Ư khổ nảo tử ách,
Năng vi tác y hộ.
Cụ nhứt thiết công đức,
Từ nhân thị chúng sanh.
Phước tụ hải vô lượng.
Thị cổ ưng danh lễ.

Nhĩ thời Tri-địa-bồ-tát, tức từng tọa khởi, tiền bạch Phật ngôn: « Thế-Tôn, nhược hữu chúng-sanh, vãng thị Quan-thế-âm-bồ-tát phẩm. Tự tại chi nghiệp, Phổ-môn thị hiện, thần thông lực giả, Đương tri thị nhơn, công đức bất thiếu. » Phật thuyết thị Phổ-môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng-sanh, đại phát vô đẳng-dẳng A-nậu đa la tam diệu tam bồ đề tâm.

Diệu pháp liên-hoa kinh. Quan-thế-âm-bồ-tát Phổ-môn phẩm, chơn ngôn viết:

Ám, đa-rị, đa-rị Đốt-đa-rị, đốt đốt đa-rị, Ta-bà ha.
(Đọc ba lần).

LỤC TỰ ĐẠI-MINH CHƠN NGÔN:

Ám Ma Ni Bác Di Hộng.

(Sáu chữ này, niệm một trăm lần)



Quan-Âm kinh toán :

Phổ-môn-thị hiện, cứu khổ tầm thính.

Từ bi thuyết pháp độ mê tân,

Phổ cảm ứng tùy hình, tứ hải thanh ninh.

Bác nạn vĩnh vô xâm.

Nam-mô : hiệu viên thông, danh tự tại Quan-âm-như-Lai, quảng phát hoằng thệ nguyện.

Nam-mô : nhứt niệm tâm vô quả-ngại, Quan-âm-như-Lai, thường cư Nam-hải nguyện.

Nam-mô : trụ ta-bà, U-minh-giải, Quan-âm-như-Lai, tầm thính cứu khổ nguyện.

Nam-mô : hàng tà ma, trừ yêu quái, Quan-âm-như-Lai năng trừ nguy hiểm nguyện.

Nam-mô : thanh tịnh bình thủy dương liễu, Quan-âm-như-Lai, cam-lồ sái tâm nguyện.

Nam-mô : đại từ bi năng hỉ xả, Quan-âm-như-Lai thường hành bình đẳng nguyện.

Nam-mô : trú dạ-tuần, vô tổn hại. Quan-âm-như-Lai, thệ diệt tam đồ nguyện.

Nam-mô : vọng Nam-nham, cần lễ bái, Quan-âm-như-Lai, đã tỏa giải thoát nguyện.

Nam-mô : tạo pháp thuyền, du khổ hải Quan-âm-như-Lai, độ tận chúng sanh nguyện.

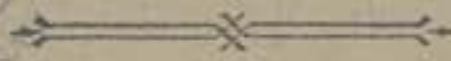
Nam-mô : tiền trang phang, hậu bửu cái, Quan-âm-như-Lai, tiếp dẫn tây phương nguyện.

Nam-mô : vô lượng thọ, phát cảnh giới, Quan-âm-như-Lai, Di Đà thọ ký nguyện.

Nam-mô : doan nghiêm thân, vô tử-thoại, Quan-âm-như-Lai, quả tu thập nhị nguyện.

CỬ TOÀN

Quan-âm-đại-sĩ phổ hiệu viên thông.
Thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm.
Khổ hải phiếm từ phong.
Phổ tế tâm dung, sát-sát hiện vô cùng.
Nam-mô Thánh quan tự tại bồ-tát.



Bồ Khuyết Tâm Kinh

THỊ ĐẠI-THẦN-CHỦ

Ma ha bát-nhã ba la mật đa Tâm-kinh:

Quan tự-tại-bồ-tát, hành thâm bát-nhã ba la mật đa. Thời chiếu kiến ngũ huân dai không, độ nhứt thiết khổ ách. Xá-lợi-tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ tướng hành thức, diệc phục như thị, Xá-lợi-tử, thị chư pháp không tướng. Bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc. Vô thọ tướng hành thức, vô nhân nhĩ tử thiết thân ý, vô sắc thính hương vị xúc pháp. Vô nhân giải, nãi chí vô ý thức giải. Vô vô-minh diệc vô vô-minh tận. Nãi chí vô lão tử, diệc vô lão-tử tận. Vô khổ tập diệc đao. Vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, bồ-đề-tát-đoa. Y bát-nhã ba la mật đa cố, tâm vô quá ngại. Vô quá-ngại cố, vô hữu khủng-phổ. Viễn ly diên đảo mộng-tướng, cứu-cảnh niết bàn. Tam thế chư phật, y bát-nhã ba la mật đa, cố đắc a-nậu đa la tam diệu tam bồ-đề. Cố tri bát-nhã ba la mật đa, thị đại-thần chủ, thị đại-minh chủ, thị vô-thượng chủ, thị vô đẳng-đẳng chủ. Năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư. Cố thuyết bát-nhã ba la mật đa chủ.

TỨC THUYẾT CHÚ VIẾT

Yết-đế, yết-đế. Ba-la, yết-đế. Ba-la tăng yết-đế. Bồ-đề tát, bà ha. Ma-ha bát-nhã ba la mật đa Tam-kinh chung.

ĐẠI BỒ THUYẾT CHƠN NGÔN

Âm, bổi tự ra, mại tự qua. Ngũ bất chân, lậu tự đa. Ý bất chuyên, tâm tức ta, Mậu tụng kinh, thêm giảm tha.

Hương hoa tịnh thủy thành tâm ý,
Bồ khuyết viên mạng tội tiêu ma,
Chư Phật Long-thiên cầu sám-hối, (đọc ba lần).
Nam-mô cầu sám hối bồ-tát.

VĂN-SANH THẦN CHÚ

Nam-mô a-di-đa bà-dạ. Đa tha dà đa dạ. Đa diệt dạ tha. A-di rị đô bà-tì. A-di rị-đa, tất đàm bà-tì. A-di rị-đa, ti-ca lan đế. A-di rị-đa, ti-ca lan-đa. Dà-di nị dà dà-na, chỉ đa ca-dệ ta-bà-ha.

(Chú văn sanh, này đọc ba lần).

Thái Dương tinh quân thánh kinh

(Tiêu nhật, tảo thần tụng niệm hữu cầu tác ứng)

Thái-Dương minh minh châu quan Phật, tứ đại thần minh chánh căn-khôn, Thái-Dương nhật xuất mãn thiên hồng, hiệu dạ hành lai bất trú đỉnh, hành đắc khoải lai thôi nhưn lão, hành đắc tri lai bất lưu tồn, gia gia môn tiền đô tâu quá, đảo nha chư nhưn khiếu tiểu danh, mảo đắc thái-dương qui sơn khứ, ngả tự lê dân khổ chúng sanh, thiên thượng vô ngã vô trú dạ, địa hạ vô ngã thiếu thân thành, cả cả thần minh hữu nhưn kinh, ná cả kinh ngã Thái-Dương tinh, Thái-Dương đông ngoạt thập cứu sanh, gia gia niệm Phật điểm hồng đăng. Hữu nhưn truyền ngã Thái-Dương kinh hiệp gia

lão ấu miễn tai tinh, vô nhơn truyền ngã thái-dương kinh. Nhân tiền tựu thị địa ngục môn, Thái-Dương minh minh châu quang phật. Truyền giữ thiện nam tín nữ nhơn, mỗi nhứt triều triều niệm thất biến. Vinh thể bất nhập địa ngục môn, lâm chung chỉ thời sanh tịnh độ, cứu huyền thất tổ tận siêu thăng.

NGÀY VÍA THÁI-DƯƠNG TINH

Mồng một tháng hai, mười chín tháng ba, mười chín tháng tư, đầu mưa đông, phạm ba ngày đốt hương lễ bái.

Thái-âm tinh quân thánh kinh

(Triệu ngoạt dạ tịnh tụng niệm thất biến cầu tất đắc chi)

Thái-âm bồ-tát hướng đông lai, thiên trùng địa-ngục cứu trùng khai, thập vạn bát thiên chư bồ-tát, chư phật bồ-tát, lưỡng biên bài, chư tôn phật kính vô vân địa, xuất thủy liên huê mãn địa khai, đầu đài thất tuần châu bửu tháp, ta bà thế giới nhân quang minh. Nhứt phật báo đáp thiên địa ân, nhị phật báo đáp phụ mẫu ân, tại sanh phụ mẫu tăng phước thọ, quá thế phụ mẫu tảo siêu thăng, Nam mô Phật, nam mô pháp, nam mô A-Di-Đà Phật, thiên la thần, địa la thần, nhơn ly nạn, nạn ly thân, nhứt thiết tai ương hóa vi trần (hữu nhơn niệm đắc thất biến Thái-âm kinh, sanh tử bất nhập địa ngục môn).

NGÀY VÍA THÁI-ÂM TINH

Ngày rằm tháng tám, (còn như mỗi ngày rằm và mười sáu mỗi tháng mà nội nhà lớn nhỏ tụng được kinh Thái-âm thì sống lâu và tai nạn không tới mình đặng).

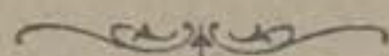
Nam-mô đại từ đại bi

Quan-thế-âm-Bồ-tát

CẨM ỨNG BẢO SANH KINH

Nam mô quan-thế-âm bồ-tát, nam mô phật, nam mô pháp, nam mô tăng, giữ phật hữu nhơn, giữ phật hữu đon, phật pháp tương nhơn thường lạc ngã tịnh, triệu niệm quan thế-âm, mộ niệm quan thế âm, niệm niệm từng tâm khởi, niệm phật bất ly tâm. Thiên la thần, địa la thần, nhơn ly nạn, nạn ly thân, kỳ bảo đệ tử, nhứt thiết tai ương hóa vi trần.

Nam mô ma ha bác nhã ba la mật.



Nam-mô đại từ đại bi

Quan-thế-âm-Bồ-tát

CỨU KHỔ KINH

Nam Mô Cứu Khổ, Cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát bá thiên vạn ức phật. Hằng-hà sa số phật, vô Lượng Công đức phật, phật Cáo A nan Ngón, thủ Kinh đại thánh năng Cứu ngục tù, năng Cứu trọng bệnh, năng Cứu tam tai bá nạn Khổ, nhược hữu nhơn tụng đắc nhứt thiên biến, nhứt thân ly khổ nạn, tụng đắc nhứt vạn biến, Hiệp gia ly Khổ nạn.

Nam mô phật Lực-Oai. Nam mô phật Lực Hộ, sữ nhơn vô ác lăm, Linh nhơn thân đắc độ, hồi

Quan Bồ-tát, Hồi Thiện Bồ-tát, A nậu đại Thiên-vương, Chánh điện Bồ-tát, ma kheo ma kheo. Thanh tịnh tùy kheo, Quan Sự đắc tạng, tụng sự đắc Hưu, Chư đại Bồ-tát, ngũ bá A la Hán, Cứu Hộ đệ tử nhứt thân Ly Khổ nạn, tự nhiên Quan-Thế-Âm, Anh Lạc bất tu Giải, Cần độc thiên vạn biến, tai nạn tự nhiên đắc giải thoát, tính thọ phụng hành, tức thuyết, chơn ngôn viết:

Ly ba ly ba đế. Cầu ha cầu ha đế. Đà la ni đế. Ni ha dà đế, Ti ly ni đế. Ma ha dà đế. Chơn linh càn đế. Bồ-đề ta bà ha.

Huyết-bốn kinh

Nam mô bốn sư Thích-Ca mâu ni phật, nam mô đại từ đại bi Quan-thế-âm-bồ-tát (đọc ba lần) độ tận chúng sanh, bất định Kỳ-Linh, thượng danh tế như lai phật. Khẩu trung đương niệm đà la ni, tả thủ chấp chi cam lồ sái. Hữu thủ chấp chi dương liễu thanh, triệu niệm Quan-thế-âm, mộ niệm Quan-thế-âm, niệm niệm từng tâm khởi, niệm phật bất ly tâm, nam nhơn tụng đắc Quan-thế-âm chú, huyết bốn hóa tác bạch liên trì, nữ nhơn tụng đắc Quan-thế-âm chú, huyết bốn hóa tác ngũ chi liên, nam mô Quan-thế-âm bồ-tát, thiên thủ thiên nhãn Quan-thế-âm-bồ-tát, tứ trước lâm trung Quan-thế-âm, thanh tịnh Quan-thế-âm, thượng lâm linh thượng lâm giải, thiên triều giai ủng hộ, hạ đạo quĩ thần hạc qui thiên, phật tại nhơn gian cứu khổ nạn phật giảng ngục trung cứu tội nhơn, phật tại giang biên thân lý hiện, phật tại giang biên thân lý hưng, phật tại giang biên cứu trăm thuyền, hỏa lý bồ tát hỏa bất thiêu, thủy lý bồ-tát thủy thượng

phủ, thiên la hãn, địa la thần, nhơn ly nạn, nạn ly thân, nhứt thiết tai ương hóa vi trần.

(*kinh này cầu siêu thăng cứu huyền thất tổ và cha mẹ cũng đặng*).

Kinh ông Hộ-pháp

Nam mô Hộ-pháp di-dà thị chứng minh, thân tỳu phật tiền tâm như nguyện, tướng bằng bí chú đặc oai linh, hà nhơn bất thức tri niệm luật, thiên kinh vạn quyển vô nhứt tự:

Nắn mồ tô tất đế, đa-rị đa-rị đa mạng, đa mạng ta bà ha. Nam mô a di đà phật.



PHỔ - MÔN - KINH

Tịnh pháp giải chơn ngôn

(đọc 21 lần chữ)

ÁN LAM

Hương toán viết :

Lư hương sạ nhiệt, pháp giải mông huân. Quan Âm hải hội tất diệu vãng. Tùy xứ kiết lưong vân. Thành ý phương ân Chư Phật hiện toàn thân.

Nam-mô Hương Vân-Cái bồ-tát, ma-ha tát.

(Câu này đọc ba lần, lay...)

Nam-mô bốn-sư Thích-Ca, mâu-ni Phật

(Câu này đọc ba lần, lay...)

Khai kinh kệ :

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,

Bá thiên vạn kiếp nan tạo ngộ.

Ngã kiêm kiến văn đắc thọ tri,

Nguyện giải Như-Lai chơn thiết nghĩa.

Nam-mô Thánh-quan-tự-tại bồ-tát, ma-ha tát.

(Câu này đọc ba lần, lay....)

Diệu pháp Liên-hoa kinh, Quan-thế-âm Bồ-tát Phổ-môn phẩm :

Nhĩ-thời, Vô-tận-ý bồ-tát, tức từng tọa khởi, thiền đẳng hữu kiến, hiệp chưởng hướng Phật, nhi tác thị ngôn « Thế-tôn, Quan-thế âm-bồ-tát, dĩ hà nhưn duyên, danh Quan-thế-âm? » Phật cáo « Vô-tận ý bồ-tát, thiện-nam-tử! Nhược hữu vô lượng, bá thiên vạn ức chúng-sanh, thọ chư khổ-não. Vãng thị

Quan thế-âm-bồ-tát, nhưt tâm xưng danh Quan-thế-âm-bồ-tát, tức thị quan kỳ âm thỉnh, dai đặc giải thoát. Nhược hữu tri thị Quan thế-âm-bồ-tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu; do thị bồ-tát, oai thần lực có. Nhược vi đại thủy sở phiêu, xưng kỳ danh hiệu, tức đặc siêu xứ. Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu kim ngân lưu ly, xa cừ mã não, san-hô hổ-phách, trân-châu, đẳng bửu; nhập ư đại hải. Giả sử hất-phòng xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu dọa La-sát-quỉ quốc. Kỳ trung nhược hữu nãi chí nhưt nhưn, xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh giả, thị chư nhưn đẳng dai đặc giải thoát La-sát chi nạn. Dĩ thị nhưn duyên danh Quan-thế-âm. Nhược phục hữu nhưn tâm đương bị hại, xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh giả; bỉ sở chấp đao trượng; lâm đoạn-đoạn hoại; nhi đặc giải thoát. Nhược tam thiên đại thiên quốc-độ: Mãng-trung, Dạ-xa, La-sát, dục lai nào nhưn. Vãng kỳ xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh giả, thị chư ác quỉ thượng bất năng dĩ ác nhân thị chi, huống phục gia hại?

Thiết phục hữu nhưn, nhược hữu tội, nhược vô tội, nữu giá dà tỏa, kiểm hệ kỳ thân, xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh giả, dai tất đoạn hoại, tức đặc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc-độ, Mãng-trung oán tặc, hữu nhưt thương chủ, tương chư thương nhưn, tề tri trọng bửu, kinh quá hiểm lộ, kỳ trung nhưt nhưn tác thị, xưng ngôn: « Chư thiện nam tử, vật đặc khùng bố, nhữ đẳng ưng đương nhưt tâm, xưng Quan-thế-âm-bồ-tát danh hiệu, thị bồ-tát năng dĩ vô hủy thị ư chúng-sanh, nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán-tặc, đương dứt giải thoát. »

Chúng thương nhưn văn, cụ phát thính ngôn. « Nam mô Quan-thế-âm-bồ-tát; » xưng kỳ danh cơ, tức đắc giải thoát.

Vô-Tận-Ý? Quan-thế-âm-bồ-tát, ma ha-tát. Oai thần chi lực, nguy-nguy như thị. Nhược hữu chúng-sanh, đa ư dâm-dục, thương niệm cung kính Quan-thế-âm-bồ-tát, tiện đắc ly dục.

Nhược đa sân-nhế, thương niệm cung kính Quan-thế-âm-bồ-tát, tiện đắc ly sân.

Nhược đa ngu-si, thương niệm cung kính Quan-thế-âm-bồ-tát, tiện đắc ly si.

Vô-Tận-Ý? Quan-thế-âm-bồ-tát, hữu như thị đẳng đại oai thần lực, đa sở nhiều ích; thị cố chúng-sanh, thương ưng tâm niệm.

Nhược hữu nữ-nhơn, thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quan-thế-âm-bồ-tát, tiện sanh phước đức trí huệ chi nam. Thiết dục cầu nữ, tiện sanh đoan chánh hữu tướng chi nữ. Túc trí đức bồn, chúng nhưn ái kính.

Vô-Tận-Ý? Quan-thế-âm-bồ-tát, hữu như thị lực. Nhược hữu chúng-sanh, cung kính lễ bái Quan-thế-âm-bồ-tát, phước bất đương quên. Thị cố chúng-sanh đại ưng thọ trì Quan-thế-âm-bồ-tát danh hiệu.

Vô-Tận-Ý? Nhược hữu nhưn thọ trì lực thập nhị ức, hằng-hà-sa số bồ-tát danh tự, phục họa hình cúng-dường, ẩm thực y-phục, ngoạ cụ y dược; ư nhữ ý, vân-hà, thị thiện nam-tử, thiện-nữ-nhơn, công đức đa phủ? »

Vô-Tận-Ý ngôn: «Thậm đa, Thế-tôn.» Phật ngôn: «Nhược phục hữu nhưn thọ trì Quan-thế-âm bồ tát danh hiệu, nãi chí nhưt thời lễ bái cúng-dường, thị nhị nhưn phước chánh đẳng vô dị ư bá thiên vạn ức kiếp, bất khả cùng tận.

Vô-tận-ý? Thọ tri Quan-thế-âm-bồ-tát danh hiệu, đặc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi. »

Vô-tận-ý-bồ-tát, bạch Phật ngôn: « Thế-tôn? Quan-thế-âm-bồ-tát, vân hà du thứ ta-bà thế-giải? Vân hà nhi vị chúng-sanh thuyết pháp, phương tiện chi lực? Kỳ sự vân hà? Phật-Cáo: « Vô-tận-ý-bồ-tát, thiện nam tử? Nhược hữu quốc-độ chúng-sanh, ứng dĩ phật thân đặc độ giả; Quan-thế-âm-bồ-tát, tức hiện phật thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thích-chi-phật thân đặc độ giả, tức hiện Thích-chi-phật thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thỉnh-Văn thân đặc độ giả, tức hiện Thỉnh-Văn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Phạm-vương thân đặc độ giả, tức hiện Phạm-vương thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Đế-thích thân đặc độ giả tức hiện Đế-thích thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tự-tại-thiên thân đặc độ giả, tức hiện Tự-tại-thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Đại-tự-tại-thiên thân đặc độ giả, tức hiện Đại-tự-tại-thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thiên-đại-tướng-quân thân đặc độ giả, tức hiện Thiên-đại-tướng-quân thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tì-sa-môn thân đặc độ giả, tức hiện Tì-sa-môn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tiêu-vương thân đặc độ giả, tức hiện Tiêu-vương thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ trưởng-giã thân đặc độ-giã, tức hiện trưởng-giã thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ cư-sĩ thân đặc độ giả, tức hiện cư-sĩ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ tề-quan thân đặc độ giả, tức hiện tề-quan thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ bà-la môn thân đặc độ giả, tức hiện bà-la môn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thân đặc độ giả, tức hiện tì-kheo tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc,

ưu-bà di thân nhi-vị thuyết pháp. Ưng dĩ trưởng-giã, cư-sĩ, tể-quan, bà-la-môn phụ-nữ thân đặc độ giả tức hiện phụ-nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ đồng-nam đồng-nữ thân đặc độ giả, tức hiện đồng nam đồng-nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Thiên-long, Dạ-xa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lầu-la, Cẩn-na-la, ma-hầu-la dà nhơn phi-nhơn đẳng thân đặc độ giả tức đại hiện chi, nhi vị thuyết pháp. Ưng dĩ Chấp-kim-cang-thần đặc độ giả, tức hiện Chấp-kim-cang thân nhi vị thuyết pháp.

Vô-tận-ý? Thị Quan-thế-âm-bồ-tát, thành tựu như thị công đức, dĩ chương-chương hình dung chư quốc-độ, độ thoát chúng sanh. Thị cố như đẳng, ưng đương nhưt tâm cúng dường Quan-thế-âm-bồ-tát. Thị Quan-thế-âm-bồ-tát, ma-ha-tát ư phổ-húy cấp nạn chi trung, năn thí vô húy. Thị cố thử ta bà thế-giải đại hiệu chi vi thí-vô-húy giả.»

Vô-tận-ý bồ-tát bạch Phật ngôn: «Thế-tôn, ngã kiem đương cúng dường Quan-thế-âm-bồ tát.» Tức giải kinh chúng bửu châu anh lạc, giá trị bá thiên lượng kim; nhi dĩ dữ chi; tác thị ngôn. «Nhơn giả thọ thử pháp thí châu bửu anh lạc.» Thời Quan-thế-âm-bồ-tát bất khểng thọ chi. Vô-tận-ý phục bạch Quan thế-âm-bồ-tát ngôn: «Nhơn giả, mỗ ngã đẳng có, thọ thử anh lạc.» Nhĩ thời Phật cáo Quan-thế-âm-bồ-tát: Đương mỗn thử Vô-tận-ý-bồ-tát, cấp tứ chúng Thiên-long Dạ-Xa Càn-thát-bà, A-tu-la. Ca-lầu-la, Cẩn-na-la, Ma-hầu-la dà nhơn phi-nhơn đẳng có, thọ thí Anh-lạc.» Tức thời Quan-thế-âm-bồ-tát mỗn chư tứ chúng cấp ư Thiên-Long, nhơn-phi-nhơn đẳng. Thọ kỳ anh-lạc, phân tác nhị phần: Nhưt phần phụng Thích-ca-mâu-ni-phật. Nhưt phần

phụng đa-bửu-phật tháp, Vô-tận-ý. Quan-thế-âm-bồ-tát, hữu như thị tự tại thần lực, du ư ta-bà thế-giới.

Nhĩ thời Vô-tận-ý-bồ-tát, dĩ kệ văn viết:

Thế-Tôn diệu tướng cụ
Ngã kim trùng vấn bĩ:
Phật tự hà nhơn duyên.
Danh vị Quan-thế-âm?
Cụ tức diệu tướng-tôn.

Kệ đáp Vô-tận-ý:

Nhữ thánh Quan-Âm hạnh,
Thiện ứng chư phương sở.
Hoảng thế thâm như hải,
Lịch kiếp bất tư-nghị
Thị đa thiên ức phật,
Phát đại thanh tịnh nguyện
Ngã vị nhữ lược thuyết,
Văn danh cập kiến thân,
Tâm niệm bất không quá,
Năng diệt chư hữu khổ.

Giã sử hưng hại ý,
Tồi lạc đại hỏa-khanh.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Hỏa-khanh biến thành trì.
Hoặc phiêu lưu cự hải,
Long ngư chư quỷ nạn.

Niệm bĩ Quan-Âm-lực,
Ba lảng bất năng một.
Hoặc tại Tu-di phong,
Vị nhơn sở thôi dọa.

Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Như nhứt hư không trụ.
Hoặc bị ác nhơn trục,

Đọa lạc Kim Cang san.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Bất năng tồn nhứt mao.
Hoặc trị oán tặc nhiều,
Các chấp đao gia hại.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Hàm tức khởi từ tâm,
Hoặc tao vương nạn khổ,
Lâm hình dục thọ chung.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Đao tâm đoạn-đoạn hoại.
Hoặc tù cầm dả tỏa,
Thũ túc bị nữu giải.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Thích nhiên đắc giải thoát.
Chú thơ chư độc được,
Sở dục hại thân già.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Huờn trước ư bồn nhờn.
Hoặc ngộ ác La-sát,
Độc-long chư quỷ đẳng.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Thời tất bất cảm hại.
Nhược ác-thú vi nhiều,
Lợi nha ngoa khả phổ.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Tật tầu vô biên phương.
Ngoan xà cập phúc yết,
Khí độc yên hỏa nhiên.
Niệm bĩ Quan-Âm lực,
Tầm thịnh tự hồi khứ.
Vân lời cổ xiết diễn,

Dán bạc chủ đại ý.
Niệm bử Quan-Âm lực,
Ứng thời đặc tiêu tán.
Chúng sanh bị khỗn ách.
Vô lượng khổ bức thân.
Quan-âm diệu trí lực,
Năng cứu thế gian khổ.
Cụ túc thần thông lực,
Quảng tu trí phương tiện,
Thập phương chư quốc độ,
Vô sát bất hiện thân.
Chường chường chư ác thú,
Địa-ngục quỷ súc sanh.
Sanh lão bệnh tử khổ,
Dĩ tiệm tất linh diệt.
Chơn quán thanh-tịnh quán,
Quảng đại trí huệ quán.
Bi quán, cập Từ-quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Vô cầu thanh tịnh quang,
Huệ nhật phá chư ám.
Năng phục tai phong hỏa,
Phổ minh chiếu thế gian.
Bi thể giải lói chấn,
Từ ý diệu đại vân.
Chú cam lộ pháp võ,
Diệt trừ phiền não diễm.
Tránh tụng kinh quan xứ,
Phổ hủy quân trận trung.
Niệm bử Quan-Âm lực,
Chúng oán tất thối tán.
Niệm âm Quan-thế-âm,

Phạm âm hải triều âm.
Thắng bĩ thế âm,
Thị cố tu thường niệm.
Niệm niệm vật sanh nghi,
Quan thế-âm tịnh thánh.
Ư khổ nảo tử ách,
Năng vi tác y hộ.
Cụ nhứt thiết công đức,
Từ nhân thị chúng sanh.
Phước tụ hải vô lượng.
Thị cố ưng danh lễ.

Nhĩ thời Tri-địa-bồ-tát, tức tụng tọa khởi, tiền bạch Phật ngôn: « Thế-Tôn, nhược hữu chúng-sanh, vãng thị Quan-thế-âm-bồ-tát phẩm. Tự tại chi nghiệp, Phổ-môn thị hiện, thần thông lực giả, Đương tri thị nhơn, công đức bất thiếu. » Phật thuyết thị Phổ-môn phẩm thời, chúng trung bát vạn tứ thiên chúng-sanh, đại phát vô đẳng-đẳng A-nậu đa la tam diệu tam bồ đề tâm.

Diệu pháp liên-hoa kinh. Quan-thế-âm-bồ-tát Phổ-môn phẩm, chơn ngôn viết:

Ám, đa-rị, đa-rị Đốt-đa-rị đốt đốt đa-rị; Ta-bà ha.
(*Đọc ba lần*).

LỤC TỰ ĐẠI-MINH CHƠN NGÔN:

Ám Ma Ni Bác Di Hộng.

(*Sáu chữ này, niệm một trăm lần*)



Quan-Âm kinh toán:

Phổ-môn-thị hiện, cứu khổ tầm thính.
Từ bi thuyết pháp độ mê tân,
Phổ cảm ứng tùy hình, tứ hải thanh ninh.
Bác nạn vĩnh vô xâm.

Nam-mô: hiệu viên thông, danh tự tại Quan-âm-như-Lai, quảng phát hoằng thệ nguyện.

Nam-mô: nhứt niệm tâm vô quá-ngại, Quan-âm-như-Lai, thường cư Nam-hải nguyện.

Nam-mô: trụ ta-bà, U-minh-giải, Quan-âm-như-Lai, tầm thính cứu khổ nguyện.

Nam-mô: háng tà ma, trừ yêu quái, Quan-âm-như-Lai năng trừ nguy hiểm nguyện.

Nam-mô: thanh tịnh bình thủy dương liễu, Quan-âm-như-Lai, cam-lồ sai tâm nguyện.

Nam-mô: đại từ bi năng hỉ xả, Quan-âm-như-Lai thường hành bình đẳng nguyện.

Nam-mô: trú dạ tuần, vô tổn hại. Quan-âm-như-Lai, thệ diệt tam đồ nguyện.

Nam-mô: vọng Nam-nham, cần lễ bái, Quan-âm-như-Lai, dà tỏa giải thoát nguyện.

Nam-mô: tạo pháp thuyền, du khổ hải Quan-âm-như-Lai, độ tận chúng sanh nguyện.

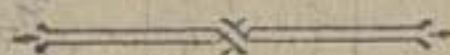
Nam-mô: tiên trang phang, hậu bửu cái, Quan-âm-như-Lai, tiếp dẫn tây phương nguyện.

Nam-mô: vô lượng thọ, phật cảnh giới, Quan-âm-như-Lai, Di Đà thọ ký nguyện.

Nam-mô: đoan nghiêm thân, vô tỉ-thoại, Quan-âm-như-Lai, quả tu thập nhị nguyện.

CỬ TOÀN

Quan-âm-đại-sĩ phổ hiệu viên thông.
Thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm.
Khổ hải phiếm từ phong.
Phổ tế tâm dung, sát-sát hiện vô cùng.
Nam-mô Thánh quan tự tại bồ-tát.



Bồ Khuyết Tâm Kinh

THỊ ĐẠI-THẦN-CHÚ

Ma ha bát-nhã ba la mật đa Tâm-kinh:

Quan tự-tại-bồ-tát, hành thâm bát-nhã ba la mật đa. Thời chiếu kiến ngũ huân dai không, độ nhưt thiết khổ ách. Xá-lợi-tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ tướng hành thức, diệt phục như thị, Xá-lợi-tử, thị chư pháp không tướng. Bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung vô sắc. Vô thọ tướng hành thức, vô nhân nhĩ tử thiết thân ý, vô sắc thính hương vị xúc pháp. Vô nhân giải, nãi chí vô ý thức giải. Vô vô-minh diệt vô vô-minh tận. Nãi chí vô lão tử, diệt vô lão-tử tận. Vô khổ tập diệt đạo. Vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, bồ-đề-tát đóa. Y bát-nhã ba la mật đa cố, tâm vô quá-ngại. Vô quá-ngại cố, vô hữu khủng-phổ. Viên ly diên đảo mộng-tướng, cứu-cánh niết bản. Tam thế chư phật, y bát-nhã ba la mật đa, cố đắc a-nậu đa la tam diệu tam bồ-đề. Cố tri bát-nhã ba la mật đa, thị đại-thần chú, thị đại-minh chú, thị vô-thượng chú, thị vô đẳng-dẳng chú. Năng trừ nhưt thiết khổ, chơn thiết bất hư. Cố thuyết bát-nhã ba la mật đa chú.

TỨC THUYẾT CHỦ VIẾT

Yết-đế, yết-đế. Ba-la, yết-đế. Ba-la tăng yết-đế.
Bồ-đề lát, bà ha. Ma-ha bát-nhã ba la mật đa Tam-
kinh

ĐẠI BỒ THUYẾT CHƠN NGÔN

Âm, bối tự ra, mại tự qua. Ngũ bát chân, lậu tự
đa. Ý bất chuyển, tâm tức ta, Mậu tụng kinh, thêm
giảm tha.

Hương hoa tịnh thủy thành tâm ý,
Bồ khuyết viên mãn tội liễu ma,
Chư Phật Long-thiên cầu sám-hối, (đọc ba lần).
Nam-mô cầu sám hối bồ-tát.

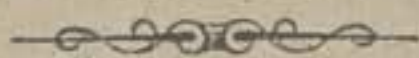
VĂN-SANH THẦN CHÚ

Nam-mô a-di-đa bà-đạ. Đa tha đà đa đạ. Đa địa
đạ tha. A-di đô bà-ti. A-di rị-đa, tất đām bà-ti. A-di
rị-đa, ti-ca lan đế. A-di rị-đa, ti-ca lan-đa. Đà-di nị
đà đà-na, chỉ đa ca-đệ ta-bà-ha.

(Chú văn sanh, này đọc ba lần).



Phổ-môn-kinh giải nghĩa



Lời chúc sự thấp hương rằng:

Lư mới đốt hương, Khói bay khắp thế giới. Ất là Quan-Âm ở Nam-hải (biển-nam) cũng hay mùi thơm. Khói hương tới xứ nào cũng thành mây lành xứ ấy, vì lòng đương kính thánh, nên các vị phật đều hiện hình xuống chứng.

Nam-mô là lời vái, cũng như tiếng cung thỉnh. Thỉnh ông Phật bồ-tát hiệu Hương-vân-cái. Ma ha tát, là chức bồ-tát thiết thọ Ma ha là thiết thọ.,

BÀI KỆ MỜI DỠ KINH RA (*Kệ cũng như thơ*)

Phép phật mẫu-nhiệm rất sâu, không còn bậc nào trên nữa.

Trăm ngàn muôn kiếp cũng khó gặp phép phật truyền kinh như vậy.

Tôi nay dặng thấy dặng nghe, quyết tri tụng mà chịu y lời dạy.

Tình nguyện giải cho thông cái nghĩa lý thiết của Phật Như-Lai.

Thỉnh đức phật bồ-tát thiết thọ hiệu Thánh-quan-tự-tại (Quan-Âm).

Kinh này là phép nhiệm thanh tịnh như bông sen, của Quan-thế-âm-bồ-tát, hiệu là kinh Phổ-môn, (khắp hết các cửa).

Khi ấy ông phật bồ-tát hiệu Vô-tận-ý, đương châu phật Thích-Ca, liền đứng dậy bước xuống, trật áo trắng bày vai bên hữu, làm như kẻ có tội, chấp tay ngó phật, mà bạch với đức phật Thích-Ca rằng:

« Bạch phật Thế-tôn : (1) Chẳng hay phật Quan-thế-âm, vì cớ nào mà gọi rằng chữ Quan-thế-âm, là coi tiếng đời ? » Thích-Ca khen : « Vô-tận-ý thiết là đừng trãi lảnh mới hỏi lời ấy ! Dầu có nhiều chúng sanh đến số trăm ngàn muôn ức bị các việc khổ-não, nếu nghe tiếng Quan-thế-âm mà một lòng tin tưởng niệm vái : Quan-thế-âm-bồ-tát cứu độ. Tức thì Quan-thế-âm nghe tiếng, đến cứu khỏi khổ-não. Nếu ai tin tưởng thờ phượng Quan-âm, y theo lời dạy, dầu rủi bị té vô lửa cũng không cháy, vì có phò hộ. Dầu té xuống sông, mà niệm Quan-Âm, thì gặp chỗ cạn. Ví dụ : Có trăm ngàn muôn ức chúng-sanh là kẻ thế, vì đi kiếm bạc vàng lưu-ly xa-cừ mã-nảo san-hô hổ-phách trân-châu, các món báu, thì phải đi ghe ra ngoài biển mà kiếm, rủi bị bão tố trôi ghe qua nước Quỷ La-sát. Nội trong thuyền ấy dầu có một người niệm Quan-thế-âm-bồ-tát cứu độ, thì cũng khỏi bị nước La-Sát làm hại, bởi vì Quan-thế-âm nghe tiếng đời van vái thì cứu, nên xưng hiệu Quan-thế-âm (Quan-Âm). Nói cùng : người tin tưởng Quan-Âm, rủi bị kẻ cầm gươm dao muốn làm hại, người ấy niệm Quan-thế-âm-bồ-tát cứu mạng, thì gươm dao làm hại không dặng, hoặc gãy, hoặc rớt, vì Quan-Âm cứu độ người lảnh. Giả tí ba ngàn thế giới, cả ngàn thế-giới trong trời đất, có kẻ hung-hoang nước Mãng-châu, hoặc quỉ Dạ-xa dưới biển, quỉ La-sát cõi ngoài, muốn làm hại người lảnh, người lảnh niệm Quan-thế-âm-bồ-tát cứu mạng, thì các loài dữ ấy không dám ngó mặt cho chán-chường, dầu đến nỗi làm hại ?

Nói cùng ; kẻ có tội, hoặc không tội, bị trống gông xiềng, biết ăn năn cải dữ làm lành, van vái Quan-

(1) Thế-tôn, người đời Tôn trọng đời đời, lời tụng Thích-Ca.

thế-âm-bồ-tát cứu độ, thì cũng khỏi các khổ ấy, chẳng những là oan.

Nếu ba ngàn thế-giải, cả ngàn thế-giải, những giặc thù oán. Như có chủ tàu buôn, và các người buôn bán, chở những cửa báu, đi ngang qua đường nguy hiểm, nếu có một người nói như vậy: « Các anh đừng kinh-hải lo sợ, các anh đồng niệm Quan-thế-âm-bồ-tát, thì Quan-thế-âm-bồ-tát lấy sự không sợ mà bố hóa cho các người, nếu các người nghe lời tôi, một lòng đồng niệm Quan-thế-âm-bồ-tát, thì lũ giặc thù oán ấy không làm hại, tự nhiên thoát khỏi. » Các khách thương nghe lời, đồng niệm: « Nam-mô Quan-thế-âm-bồ-tát. » Niệm danh hiệu Quan-thế-âm-bồ-tát như vậy, đều thoát khỏi tai nạn.

Vô-tận-ý? Bởi Quan-thế-âm-bồ-tát thiết thọ, oai linh, thần-thông vọi-vọi như vậy.

Nếu có chúng-sanh sa mê dâm-dục, nay muốn lia sự ấy, thì thường niệm Quan-thế-âm-bồ-tát, cứ cung kính hoai, thì tự nhiên bớt sự sắc dục.

Hoặc là ai hay quen tánh giận hờn, nay muốn bỏ nghiệp ấy thì thường cung kính và niệm Quan-thế-âm-bồ-tát, thì hết tánh giận hờn.

Hay là kẻ khờ dại, thường cung kính, và niệm Quan-thế-âm-bồ-tát, thì cũng hết ngây dại.

Vô-tận-ý? Quan - thế - âm - bồ - tát, oai linh thần thông, như vậy, nhiều việc lợi ích, nên chúng-sanh hết lòng niệm tưởng.

Nếu có người đờn-bà, muốn cầu con trai, thờ lạy cầu khẩn Quan-thế-âm-bồ-tát, thì sanh đặng con trai tốt tướng và có trí tuệ sáng-láng. Muốn cầu con gái thì sanh đặng con gái tốt tướng mà đoan trang chính-chuyên. Bởi vì nổi đồng có đức nên nhiều người thương yêu, và cung kính về sau.

Vô-tận-ý? Quan-thế-âm-bồ-tát có công lực như vậy. Nếu chúng sanh cung kính lạy cầu Quan-thế-âm-bồ-tát thì phước không mất. Bởi vậy cho nên chúng-sanh đều chịu niệm Quan-thế-âm-bồ-tát.

Vô-tận-ý? Giã-sư có người tin tưởng thờ phượng sáu mươi hai ức, hằng-hà phật bồ-tát, họa hình tượng mà thờ, giả như hết lòng tin tưởng sắm lời đồ ăn, đồ mặc đồ nằm, thuốc bổ, mà thờ phượng, hằng-hà bồ-tát, thờ phượng như vậy là cũng bực hao tổn. Theo ý nhà người tưởng kẻ thiện-nam, tín-nữ thờ như vậy, sẽ được phước đức nhiều chăng?» Vô-tận-ý bồ-tát bạch rằng: «Bạch Thế-Tôn, nếu thiện-nam, tín-nữ thờ phượng được như vậy, thì phước đức nhiều lắm!» Thích-Ca nói: «Nếu có một người khác, tin tưởng thờ phượng Quan-thế-âm-bồ-tát, và niệm nội một giờ, thì phước đức cũng bằng người thờ các phật, không khác đâu. Dầu muôn ức kiếp cũng không hết.

Vô-tận-ý? Tin tưởng thờ phượng Quan-thế-âm-bồ-tát, dặng phước đức không chỗ mà lường, cũng như biển, bên này không thấy mé bên kia. Sự ích lợi như vậy.

Vô-tận-ý-bồ-tát, bạch rằng: «Bạch Thế-tôn, vì cơ nào mà Quan-thế-âm-bồ-tát đi ta-bà thế-giải bởi cơ nào mà vì chúng-sanh thuyết pháp giảng kinh, hết sức bày phương pháp cho tiện người đời là cơ sao vậy?»

Thích-Ca khen rằng: «Vô-tận-ý-bồ-tát, thiệt là trai lành, mới hỏi lời ấy! Bởi Quan-thế-âm-bồ-tát thương chúng-sanh lắm. Nếu người nước nào ưa Phật độ, thì Quan-thế-âm-bồ-tát, hóa ra hình Phật mà giảng kinh. Nếu ưa ông Phật Thích-chi độ thì Quan-thế-âm-bồ-tát, hóa hình ông Phật Thích-chi

mà giảng kinh. Nếu mộ ông Phật Thỉnh-Văng độ, thì Quan-thế-âm-bồ-tát, hiện hình ông Phật Thỉnh-Văng mà giảng kinh. Nếu mộ vua Phạm-vương độ, thì Quan-thế-âm-bồ-tát, hiện hình vua Phạm-vương mà giảng kinh. Nếu mộ ông Đế-Thích độ, thì Quan-thế-âm-bồ-tát hiện hình ông Đế-Thích mà giảng kinh. Nếu mộ ông Tự-tại-thiên độ, thì hiện hình ông Tự-tại-thiên mà giảng kinh. Nếu mộ ông Đại-tự-tại-thiên độ, thì hiện hình ông Đại-tự-tại-thiên mà giảng kinh. Nếu mộ Đại-tướng-quân trên trời độ, thì hiện hình Đại-tướng-quân trên trời mà giảng kinh. Nếu mộ sãi Tì-sa-môn độ, thì hiện hình sãi Tì-sa-môn mà giảng kinh. Nếu mộ ông Vua nhỏ độ, thì hiện hình ông Vua nhỏ mà giảng kinh. Nếu mộ ông Trưởng-giã (1) độ, thì hiện hình ông Trưởng-giã mà giảng kinh. Nếu mộ ông Cư-sĩ (2) độ, thì hiện hình ông Cư-sĩ mà giảng kinh. Nếu mộ quan Tể-tướng (3) độ thì hiện hình quan Tể-tướng mà giảng kinh.

Nếu mộ vãi Bà-la-môn, thì hiện hình vãi Bà-la-môn mà giảng kinh. Nếu mộ sãi Tì-Khưu, hay là vãi Tì-Khưu, là cô vãi lớn, cô vãi nhỏ, thì hiện hình sãi Tì-Khưu, vãi Tì-Khưu, cô vãi lớn, cô vãi nhỏ, mà giảng kinh. Nếu mộ ông Trưởng-giã, ông Cư-sĩ, quan tể-tướng vãi Bà-La-môn, hay là đờn-bà con gái, mà độ thì hiện hình ông Trưởng-giã, ông Cư-sĩ, quan tể-tướng vãi Bà-la-môn, đờn bà, con gái, mà giảng kinh. Nếu mộ đồng-nam, đồng-nữ (4) độ được, thì hiện hình đồng-nam, đồng-nữ mà giảng kinh. Nếu

(1) Trưởng-giã là thầy tu.

(2) Cư-sĩ là người tu tại nhà, có vợ có con.

(3) Tể-tướng quan thừa tướng.

(4) Đồng-nam trai trẻ chưa vợ. Đồng-nữ là con gái đồng-trình.

mộ các vị Phật lớn nhỏ như : Thiên-Long, Dạ-Xa, Càng-thát-bà. A-tu-la, Ca-lâu-la. Cẩn-na-la. Ma-hầu-la, Đà-nhơn-phi-nhơn, mà độ dặng, thì Quan-thế-âm-bồ-tát cũng hiện hình các vị ấy mà giảng kinh. Nếu mộ thần Chấp-kim-cang độ, thì Quan-Âm cũng hiện hình thần Chấp-kim-cang mà giảng kinh.

Vô-tận-ý ? Bởi Phật Quan-thế-âm-bồ-tát, có công lao đức hạnh lớn như vậy, hiện các hình mà đạo khắp các nước mà độ chúng-sanh. Nên các người đáng đồng lòng thờ phượng Quan-thế-âm-bồ-tát, thì Quan-thế-âm-bồ-tát, thiết thọ, hay cho các người dặng sự mạnh mẽ không sợ, trong lúc kinh hải cấp nạn. Bởi có ấy nên các thế-giải đều gọi Quan-thế-bồ-tát là Phật Thí-vô-hủy, nghĩa là bố-thí sự dạn, không biết sợ, cho chúng-sanh.

Vô-tận-ý-bồ-tát bạch Phật rằng : « Bạch đức Thế-Tôn, tôi nay chịu thờ Phật Quan-thế-âm-bồ-tát. « Nói rồi liền cỡi xâu chuỗi đeo trong cổ : những là các món châu báu tòng tui, giá đáng trăm ngàn lượng vàng, dựng cho Phật Quan-Âm, mà bạch lời này : « Xin ngài lấy lòng nhơn mà nhậm lễ chuỗi châu-báu tòng tui ấy ? « Quan-thế-âm-bồ-tát, không chịu nhậm-lễ. Vô-tận-ý, lại bạch với Phật Quan-thế-âm-bồ-tát rằng : « Xin Phật Quan-thế-âm lấy lòng nhơn thương chúng tôi mà nhậm xâu chuỗi này. » Khi ấy Phật Thích-Ca bảo Quan-thế-âm-bồ-tát rằng : Phật Quan-Âm cũng đáng thương Vô-tận-ý-bồ-tát, với các vị Thiên-Long, Dạ-Xa, Càng-thát-bà A-tu-la, Ca-lâu-la, Cẩn-na-la, Ma-hầu-la, Đà-nhơn-phi-nhơn, mà chịu lãnh xâu chuỗi, tòng tui. » Quan-thế-âm-bồ-tát tức thì vưng lời, thương các vị ấy... nên chịu lãnh xâu chuỗi, chia ra làm hai phần dựng cho đức

Phật Thích-ca-mâu-ni còn một phần dựng cho tháp Phật Đa-Bửu, là chỗ Vô-tận-ý ở. Bởi Quan-thế-âm-bồ-tát có sức tiêu-diêu tự-tại, ta-bà khắp thế-giải, nên mới dám chịu như vậy.

Khi ấy Vô-tận-ý-bồ-tát, đặt bài kệ vấn đáp với Phật Thích-Ca như vậy :

Phật-thế-tôn đủ các tướng mầu nhiệm.

Nên tôi mới hỏi gạn ngài rằng :

Phật bồ-tát vì có nào,

Mà xưng hiệu Quan-thế-âm ?

Phật Thế-Tôn đủ các tướng nhiệm mầu (là Thích-Ca).

Đặt lời kệ đáp với Vô-tận-ý :

Người nghe đức hạnh Phật Quan-Âm.

Hay linh-hiễn khắp các chỗ.

Thế rộng sâu như biển,

Mấy kiếp kể không xiết !

Thiệt hơn ngàn ức Phật,

Phát nguyện nhiều đều thanh-tịnh.

Ta nói sơ lược cho người nghe :

Nghe tên hoặc thấy hình.

Lòng tưởng không bỏ qua.

Hạ trừ các sự khổ-nạn,

Giả sử có ai ý muốn hại mình,

Xô té vô hãm lửa.

Niệm Phật Quan-thế-âm.

Hãm lửa nguội như biển ra ao nước,

Hoặc ghe trôi ra biển lớn,

Sợ cù, cá xà, cá mập, và các quỷ biển làm hại,

Niệm Phật Quan-thế-âm,

Sóng gió chẳng chìm thuyền.

Hoặc lên hòn núi cao như núi Tu-Di,
Bị người ta xô té xuống.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Cũng không té xuống núi, như mặt nhật lững-
dững.

Hoặc bị kẻ giữ rước đuôi,
Xô vô núi Kim-cang có chông.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Cũng không hại một sợi lông.

Hoặc bị giặc thù oán vây,
Cầm đao quyết chém giết.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Chúng nó đổi lòng thương, không nỡ giết,

Hoặc bị việc hành hình,
Lúc hành hình gần chết.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Gươm đao gãy từ đoạn.

Hoặc bị tù gông xiềng
Tay chơn bị còng trăn.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Tự nhiên dặng giải khỏi.

Bị trù, bị rửa, và các thuốc độc,
Nó quyết làm hại mình.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Nó trở lại hại kẻ làm hại đó.

Hoặc gặp nước La-sát,
Cơn eù độc, và quỉ dữ.
Niệm phật Quan-thế-âm,
Các loài ấy không dám làm hại,

Nếu các thú dữ phủ vây,
Nanh vuốt bèn ghê-gớm,
Niệm phật Quan-thế-âm.
Các thú dữ đều chạy mất dất.

Rắn lớn, rắn nhỏ, cùng trăn, bò-cạp,

Hoặc khí-độc, lửa trời,
Niệm phật Quan-thế-âm,
Các loài ấy đều tránh hết,
Mây vần-vũ chớp sấm sét,
Mưa đá, hoặc mưa bão,
Niệm phật Quan-thế-âm,
Tức thời đều tiêu tan,
Chúng-sanh bị tai ách khốn nạn,
Sự khổ-bức không cùng.
Quan-Âm có phép mầu,
Hay cứu sự khổ nạn kẻ thế-gian.
Bởi ngài đủ phép thần-thông,
Hay làm nhiều điều phước đức, cứu giúp.
Mười phương khắp các nước,
Không chỗ nào ngài không hiện hình.
Các sự tội-ác của người kẻ chẳng xiết.
Quỉ dưới địa-ngục và súc-sanh.
Sự sanh ra, sự già, sự bệnh, sự thác, sự khổ.
Ngài đều cứu lần-lần khỏi khổ.
Cái am thiệt, cái am thanh-tịnh,
Cái am rộng lớn trí huệ.
Cái am thương, cái am lành,
Cái am lành ấy hằng cầu khẩn thờ ngài.
Cái sáng của người thiệt trong sạch không bợn-
nhơ,
Trí huệ người sáng như mặt nhật, phá các sự
tối,
Cho nên hay trị tai nạn, gió, lửa,
Sự sáng chói khắp cả thế-gian,
Thế ngài thương, răn sự sấm-sét, (không giận).
Ý ngài lành, lộng lộng như mây lớn.
Rưới nước cam-lộ trong bình như mưa phép,
Mà trừ cái lửa phiền não trong lòng chúng-sanh.
Nếu ai bị thừa kiện tại quan,

Hoặc bị giặc giã nên kinh hải.

Niệm Phật Quan-thế-âm,

Các sự oán dữ ấy đều lui tan,

Niệm tiếng Quan-thế-âm.

Và niệm thần chú tiếng chơn-ngôn như sông
biển.

Niệm phải tin tưởng, hơn là tiếng thế gian
niệm không.

Bởi vậy nên niệm mà lòng hăng tưởng.

Niệm tưởng đừng nghi nan,

Quan-thế-âm là thánh thanh-tịnh.

Những sự khổ não, tai ách, và thác,

Thì đều nhờ cậy ngài,

Bởi ngài đủ công lao, hơn đức cả thầy,

Con mắt ngài hiền lành, hay coi chừng chúng-
sanh.

Nếu nghe lời ngài dạy, thì được phước rộng như
biển.

Nên đáng thờ lạy ngài.

Khi ấy có ông phật Tri-địa-bồ-tát, đương ngồi nghe
liền đứng dậy, mà bạch với đức Phật-thích-ca rằng :
« Bạch Thế-Tôn, nếu chúng-sanh nghe tụng kinh
Phổ-Môn của Quan-thế-âm-bồ-tát đây, mà rõ sự tiêu-
diêu tự-tại tự-nhiên có sức thần thông, hiện hình dạy
khắp các cửa (các nơi) sự thần thông ngài như vậy.
Thì phước người ấy chẳng ít. » Phật Thích-Ca đặt
kinh Phổ-Môn rồi, thời hơn tám muôn bốn ngàn
chúng-sanh nghe kinh này, đều phát tâm quyết tu ba
bực cho thành chánh quả.

Thần-chú kinh Diệu-pháp-liên-hoa Phổ-Môn của
Quan-thế-âm-bồ-tát, đặt tiếng chơn-ngôn rằng :

(Cứ đó mà đọc, chớ không hiểu nghĩa, vì tiếng nước Tây-vực, giống tiếng Thiên-trước).

Sáu chữ thần chú Đại-Minh,

Cùng lời chơn ngôn như vậy, niệm 100 lần.

LỜI KHEN KINH PHỔ-MÔN

Quan-Âm hiện hình dạy khắp-cửa, tìm tiếng chúng-sanh niệm vái mà cứu khổ nạn.

Lòng lành thương giản dạy mà độ khỏi bến mê. Có lòng tin tưởng thì ngài cứu độ, như bóng theo hình, khắp trong bốn biển ngài cũng độ yên.

Tám nạn là : giặc, trộm cướp, đói khổ, nước, lửa, ôn-dịch, lật-bình, tám nạn ấy ngài đều cứu khỏi, không xâm phạm mình.

Mười hai câu nguyện lớn của Quan-Âm.

1^e Quan-âm-như-lai, hiệu thông thái, danh tự-tại thông thả thanh nhàn, hay nguyện thề độ người đời nguyện rộng.

2^e Quan-âm-như-lai, lòng tưởng sự từ bi, thương đời, không ngại chi cả, hay ở tại biển Nam, núi Phổ-Đà.

3^e Quan-âm-như-lai, đi ta-bà, cho tới cõi U-Minh là Âm-phủ tìm tiếng người niệm vái mà cứu khổ nạn.

4^e Quan-âm-như-lai, trị tà-ma, trừ yêu-quái, mà trừ sự nguy hiểm cho đời.

5^e Quan-âm-như-lai, có bình nước cam-lộ, như nước mùi-sương, lấy nhánh dương nhúng nước ấy, rưới lòng người hết phiền não.

6^e Quan-âm-như-lai, cả lòng lành lòng thương, hay dung chế, cứ làm việc công bình.

7^e Quan-âm-như-lai, ngày đêm đi dạo tuần, không trễ nải, vì ngài biến muôn ngàn hình, cứu ba đều, nước, lửa, đao.

8^o Quan-âm-như-lai, coi những kẻ hay trở về hướng nam mà lạy cầu ngài, thì ngài cứu khỏi những sự lao tù trần trối.

9^o Quan-âm-như-lai, ví như ngài làm chiếc thuyền phép thả giữa biển khổ, mà cứu vớt hết những kẻ chìm nổi.

10^o Quan-âm-như-lai, trước có cây phượng, sau có cây tàn báu, để tiếp dẫn kẻ tu-hành đạo phật về Tây-phương.

11^o Quan-âm-như-lai, ngài mến chỗ cảnh phật là sống hoai, nên truyền đạo phật Di-Đà ở nước cực-lạc mà độ hồn về.

12^o Quan-âm-như-lai, mình đoan trang nghiêm nghị, không ai sánh bằng, cứ giữ tu mười hai lời nguyện này.

LỜI KHEN MƯỜI HAI CÂU NGUYỆN :

Phật Quan-Âm, hiệu Đại-sĩ, danh hiệu thông khắp nơi.

Mười hai câu nguyện lớn thể độ người đời rất nặng.

Cũng như thả chiếc thuyền lành nơi biển khổ mà vớt người.

Lòng ngài cứu giúp khắp người đời, nơi nơi nhờ vô cùng.

Kính niệm ngài hiệu là : Thánh-quan-tự-tại-bồ-tát.

Ngài đặt Tâm-Kinh này, mà bổ mấy chỗ còn thiếu. Hiệu Tâm-Kinh này kêu theo tiếng Tây-vực là : Ma-ha-bác-nhả-ba-la-mật-đa). Nghĩa là kinh thiết thọ của phật. Như cái tâm-pháp, của ngài truyền, ai tu theo dạng như vậy thì sẽ thành phật, nên gọi là mẫu nhiệm trong kinh này.

Quan-âm ngài xưng hiệu là Quan-tự-tại-bồ-tát, nghĩa là coi sự thành Phật bồ-tát là tại nơi mình tu. Bởi làm theo tâm kinh này mà dặng sự màu-nhiệm thành chánh quả. Là tại thường không cố ngã huân là ngã quan. Con mắt, lỗ tai, cái miệng, lỗ mũi, cái thân mình. Không là : Con mắt không ngó sắc tả, sự tả, không ngó sự quấy. Lỗ tai không nghe tiếng tả, lời tả, đều quấy. Lỗ miệng không nói lời tả, lời quấy, lời dữ, lời tổn đức, lời tục tiểu, lời vô ích. Lỗ mũi không hửi mùi nặng, mà tưởng ăn đồ nặng, thịt cá, rượu vẩn vẩn. Cái thân không đắm mê sự quấy. Được năm mỗi ấy đều không quấy như vậy thì khỏi các sự khổ nạn tai ách. Xả-lợi-tử là cái tâm, đạo Phật trọng cái tâm lắm. Cái tâm quý không như, coi sự không cũng như có, có cũng như không, thì có cũng như không, không cũng như có, nếu không tham, không giận, không đắm sa việc đời, vì biết việc đời là việc giả, rất dối cái thân mình còn không chắc chừng nào mất thay, huống chi là các việc tiền của bề ngoài, nên cứ lo tu sửa cái tâm cho chánh, thì sau theo Phật. Bởi vậy cho nên, chịu việc chi, tưởng việc chi, làm việc chi, biết việc chi, cũng suy xét như vậy. Và cái tâm mình là không-không hơn các món, (cái tâm là chí linh-hồn, thần hồn.) Cái thần hồn là Xả-lợi-tử, không sanh ra nữa, mà cũng không chết, không dơ không sạch chi hết thấy, ấy là trời sanh tự-nhiên, nên không thêm không bớt. Cho nên thần hồn không ai thấy như sắc này màu kia. Nếu luyện thần hồn không ngờ, đừng tham quấy, không tưởng quấy, không làm quấy, không biết tới sự quấy, con mắt, lỗ tai, cái miệng, cái mũi, cái thân, cái ý, sáu cái ấy là lục căn, sáu cái cội rễ, cho thanh-tĩnh tự nhiên, đừng động tới sự quấy, thì lục trần là : sắc thính hương vị xúc pháp, nó không quên dặng. Nghĩa là

sáu việc trần tục, là : sắc tốt, tiếng êm tai, mùi thơm, mùi ngon, sự động, sự vọng tưởng nó không quên dụ thần-hồn dặng. Nghĩa là con mắt không ngó sắc tà, thì là không sắc. Lỗ tai không nghe tiếng quấy thì là không thính. Lỗ mũi không mê mùi thơm thì là không hương. Lỗ miệng không thêm đồ nặng, thì là không vị. Cái mình không động tới đồ quấy, thì là không xúc. Cái ý không vọng tưởng sự quấy, thì là không pháp. Trước hết bởi con mắt không ngó, thì cái ý không động sự vọng tưởng sa đắm. Nên cái giận là lửa vô-minh, nóng nẩy như lửa, mà lửa không sáng, lửa lòng, nó làm mệt tâm thần, mà sanh lòng dữ, nên tưới cái lửa vô minh mà phải tưới cho hết, đừng giận hơn chút nào, thì trong lòng mát mẻ thanh-tịnh, thì nó không sanh bệnh hoạn, từ nhiên được không già, và cũng không chết, vì hoả không vọng thì không già không chết. Chẳng những sự giận nó vọng hỏa, sự cố sắc dục nó cũng vọng hỏa, vọng tưởng nó cũng vọng hỏa, nên người đời già và chết là tại vọng hỏa. Nếu không vọng hỏa thì không già, không chết chẳng phải nói dối. (Nên đạo tiên cấm tửu sắc tài khí, cũng trọng chữ thanh tịnh là cội rễ.) Đặng như vậy thì không lo gì là sự khổ-não nó làm cho hư đạo mình, không nên toan mưu tính kế cho tồn trí khôn, cũng đừng tham dặng sự lợi cho nhiều. Bởi không tham việc đời đó, thì đạo-tâm càng bền chắc. Vì y theo Tâm-kinh này mà tu, thì lòng không nghi ngại lo lắng chi cả. Nhờ không nghi ngại lo lắng đó nên trong lòng không kinh hải sợ sệt. Nhất là phải tu luyện cái tâm-thần, tránh sự tráo-trở, mơ-tưởng chiêm bao, đừng vọng tưởng mơ-ước sự không có, cứ xét-nét Hội-Niết-Bàn, là ngày Mồng-Tám Tháng Mười, các vị phật hội-đồng giảng kinh, nghĩa là xét-nét nghĩa lý trong

kinh phật giản, phật Thích-Ca giản đạo cho nhiều, rút lại cũng trọng chữ Vô-vi, (hư vô) không-không, cũng như đạo tiên mặc-mặc-mặc, vô hạng thần tiên từng thứ đắc, nghĩa là bao nhiêu thần tiên cũng nhờ chữ thanh tịnh, cứ làm thanh lặn lẽ mà dưỡng khí dưỡng thần, để trong lòng cho thanh tịnh.

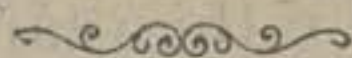
Bởi cơ ấy nên ba vị phật tam thế, là : Di-Đà, Thế-Chí, Quan-Âm, cũng y theo tâm kinh này, mà dựng thành chánh quả ba ngôi, (tam thừa) thượng thừa, trung thừa, hạ thừa. Thượng thừa quả vị là chánh quả bậc trên, bỏ nhà cửa, không vợ chồng, xuất gia tu hành lo dạy bốn đạo. Trung thừa quả vị cũng trường trai như bậc thượng thừa, mà giữ ngũ giới cấm nhưt bất sát sanh, nhị bất du-đạo, tam bất tà dâm, tứ bất tửu nhục, ngũ bất vọng ngữ. Nghĩa là : năm đều cấm rằng : Thứ nhất cấm giết người giết vật, thứ nhì cấm trộm cắp, thứ ba cấm tà dâm, hoa nguyệt lấy vợ người, lấy chồng người, đờn bà chồng chết không thủ tiết, và sự loạn luân, hoặc vô lễ không cười gả (chớ không phải cấm sự vợ chồng thương), thứ tư cấm uống rượu, ăn mặng, thứ năm cấm nói dối nói quấy, song bậc trung thừa được ở nhà mình, những người lớn tuổi mới được hai bậc ấy, vì phải dứt đường sắc dục, mà luyện tinh khí thần.

Còn bậc hạ thừa quả vị dễ lắm gọi là cư-sĩ ở nhà mình, vợ chồng như thương, sanh đẻ gả cưới, theo như đạo nho, song cấm tà dâm như điều răn thứ ba giản trên đó, và phải trường trai tu hành, mới coi cũng như kẻ thế, mà tu tâm tu thân, sau cũng thành chánh quả, đứng vô tam thừa quả vị (phật gọi là tam diệu tam bồ-đề.)

Cho nên phải biết Tâm-kinh này là thần-chủ lớn,

gọi là thần chú Đại-minh, sáng cả thấy. Thần chú bực thường, không thần chú nào trên nữa, không cần các thần chú khác. Trừ dặng cả thấy sự khổ-não, thiệt chắc như vậy không sai, nên tiếng phật gọi là thần chú Bác-nhả ba-la-mật-đa.

Đọc mấy chữ thần chú chơn ngôn đó, thì hết Tâm-kinh.



ĐỌC-KINH BỔ-KHUYẾT

Sợ tụng có sai siển thiếu khuyết nên phải bổ-khuyết cho đủ, vân vân. (chịu lỗi)

Bởi đọc sai chữ, hoặc tiếng cọ-kẹ không rõ ràng, vì chữ chơn-ngôn, tàu âm cứng tiếng. Hoặc là đọc sai không trúng hoặc bỏ sót, vì vô tâm mà lầm. Hoặc đương tụng kinh mà không chăm chỉ hết ý vô đo, lòng tưởng chuyện khác, hoặc tụng lầm đọc thêm bớt, đều có tội nay sẵn hương hoa trà nước, lấy lòng thành tụng bài bổ-khuyết này mà sám-hối chịu lỗi cho tiêu hết tội lỗi. Cầu các vị phật và thần Thiên-Long hay là Long-Thiên là ông Hộ-Pháp vẽ hình phía sau đó (ông ấy họ Vi tên Hộ đời Châu, sau tu thành Hộ-Pháp, bảo hộ sự tụng kinh. Minh cần với mấy vị đó mà sám-hối chịu lỗi.

Rồi niệm ông phật Cầu-sám-Hối chứng minh.

Rốt hết đọc ba biến (3 lần) thần chú Văn-sanh gọi là thần chú Đa-là-ni, của phật Di-Đa đặt để tụng cho kẻ thể thác được đi dầu thai cho mau khỏi cầm địa-ngục, thầy Tam-Tạng dịch ra tiếng tàu gọi là Văn-sanh. Có thư giấy tiền Văn-sanh có in thần-chú ấy, đốt cho vong hồn mau dầu thai.

Quý bằng trăm tờ giấy tiền thưởng.

Thần chú Văn-sanh đọc mấy tên hiệu ông phật hay độ tử, cầu cho mau dầu thai chớ không có nghĩa chỉ mà giã.

PHỔ MÔN KINH



Kinh Di-Đà, Hồng-Danh, Vu-Lan, Kim-Cang, thì đủ bộ Tam-Bảo (Tam-Bửu là ba cái báu của phật).



NHẪN MINH KINH

Phật thuyết Nhẫn-Minh kinh, lưỡng nhân tợ kim
đăng.

Xá-Lợi Kim-sơn tháp, liên hoa mắng tọa lương.

Thiên thủ thiên nhẫn đồng-tử vương.

Lưỡng nhẫn y cựu diệm-diệm quang,

Văn Thủ-bồ-tát kị sư-tử,

Phổ-Hiến-bồ-tát kị tượng-vương.

Hộ ra na, nhẫn ra na.

Nhẫn trung ác huyết tận tiêu ma.

Hữu nhơn tụng đặc Nhẫn-minh kinh,

Sanh sanh thế thế nhẫn quang minh.

Mỗi nhứt thanh thần niệm thất biến,

Thắng quá vạng quỵện kinh.

Chư tôn bồ-tát ma ha tát.

Ma ha bát nhả ba la mật.

Ám, a đặc rị da, ta bà ha.

**Kinh này có người đui con mắt
lâu năm, gặp kinh này liền vái ăn
chay, thỉnh tượng Quan-Âm về thờ,
mỗi ngày tán sáng quì lạy, tụng bảy
lần, luôn luôn vái năm liền sáng lại.**

LUẬT TRỜI RAO RẮNG:

Nếu ai nghe 16 điều luật này mà biết ăn năng cãi dữ làm lành, vãi với Thành-Hoàng, Thổ-Địa, từ rày sắp sau không dám phạm 16 điều Thiên-Luật nữa. Giữ dặng như vậy thì khỏi tai nạn sẽ đến, đời mặt kiếp này.

- 1° Bất hiếu, quên ơn cha mẹ.
 - 2° Quan ăn hối lộ hại dân lành.
 - 3° Thâu dân mà đưng cho quan, lợi mình hại người.
 - 4° Làm đơn trạng, sửa ngay làm vạy, sửa vạy làm ngay.
 - 5° Trộm cướp, hoặc tham của giết người.
 - 6° Giành chồng cướp vợ, sang đoạt của người.
 - 7° Chê lời thánh thần, không tin báo ứng.
 - 8° Đốt rừng, thuốc cá, hại nhiều vật.
 - 9° Ỡ giàu làm dữ, cậy thế hiếp người.
 - 10° Phá vợ chồng người, làm cho cốt nhục xa lìa nhau.
 - 11° Lường thần tráo dấu, cân thiếu đo hụt.
 - 12° Lường gạt lấy của người.
 - 13° Xuối kiện thưa dặng mình kiếm lợi.
 - 14° Hai người lành, khi cho mẹ, vua chúa.
- Đều chứng cứ báo hai người mang nghèo.
- Đều nước lụt lật nhà người.

Luật này, phạm điều nào cũng phải trừ diệt, nếu kẻ nào thì chết, dặng số. Phật Quan-Âm giảng cơ tại chùa Tây-Thiên, nước Xá-Nay, mà rao cho nhơn dân hay trước.



In tại nhà in XUA-NAY Nguyễn-háo-Vĩnh

62-64, Boulevard Bonard, Saigon

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

191 page de
autonomie
5000
vrai
JAN 1927

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM
XUÂN HẠ
SAISON
17 JUIL 1927
PRÉF. RIE
VGLYEN HAO
1927